




# CÔNG TY CP BẢO TRÌ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP





Trụ sở: Lầu 1, số 788/51C Nguyễn Kiệm, P.3, Q.Gò Vấp, TP.HCM  
Tel: 08.66749689, 0913771002, Fax: 08.62835279, MST: 0305901954, .  
Web site : <http://www.vandungong.com>, Email: [baotri.kythuat@gmail.com](mailto:baotri.kythuat@gmail.com)  
**Liên hệ: Mr Thiện - 0974567772 Mail: [baotri.kythuat@gmail.com](mailto:baotri.kythuat@gmail.com)**







## BẢNG GIÁ BÁN BUÔN VAN ĐỒNG MIHA

VỚI HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN ISO 9001 -2008





STT	Hình Ảnh	Tên Hàng Hóa	Đơn Giá	Đóng Hộp	Đóng Thùng
1		<b>Van Cửa Đồng MIHA</b>			
		DN 15 - 21	110,400	10	100
		DN 20 - 27	143,750	10	80
		DN 25 - 34	185,725	6	60
		DN 32 - 42	278,300	4	32
		DN 40 - 49	362,250	4	24
		DN 50 - 60	608,350	2	16
		DN 65 - 76	989,000	1	10
		DN 80 - 90	1,385,750	1	6
		DN 100 - 114	2,794,500	1	4
2		<b>Van cửa đồng MBV - PN 10</b>			
		DN 15 - 21	78,430	10	100
		DN 20 - 27	102,350	10	80
		DN 25 - 34	147,200	6	60
		DN 32 - 42	232,300	5	40
		DN 40 - 49	295,550	4	24
		DN 50 - 60	422,050	2	16
		DN 65 - 76	903,900	1	10
		DN 80 - 90	1,288,000	1	6
		DN 100 - 114	2,242,500	1	6
3		<b>Van cửa đồng MI - PN 10</b>			
		DN 15 - 21	86,250	10	100
		DN 20 - 27	113,250	10	80
		DN 25 - 34	172,500	6	60
		DN 32 - 42	282,750	5	40
		DN 40 - 49	338,250	4	24
		DN 50 - 60	480,000	2	16
		DN 65 - 76	1,006,500	1	10
		DN 80 - 90	1,440,000	1	6
		DN 100 - 114	2,722,500	1	6

4		<b>Van 1 chiều đồng lá lật MIHA - PN 16</b>			
		DN 15 - 21	62,100	12	120
		DN 20 - 27	89,700	10	100
		DN 25 - 34	140,300	8	80
		DN 32 - 42	209,300	5	40
		DN 40 - 49	344,425	4	32
		DN 50 - 60	523,250	2	18
		DN 65 - 76	1,012,000	2	16
		DN 80 - 90	1,661,750	1	8
		DN 100 - 114	2,323,000	1	6
5		<b>Van 1 chiều đồng lá lật MBV - PN 10</b>			
		DN 15 - 21	45,770	12	120
		DN 20 - 27	58,650	10	100
		DN 25 - 34	103,500	8	80
		DN 32 - 42	166,750	6	48
		DN 40 - 49	227,700	4	32
		DN 50 - 60	373,750	2	18
		DN 65 - 76	724,500	1	16
		DN 80 - 90	995,900	1	12
		DN 100 - 114	1,897,500	1	6
6		<b>Van 1 chiều đồng lá lật MI - PN 10</b>			
		DN 15 - 21	42,550	12	120
		DN 20 - 27	51,175	10	100
		DN 25 - 34	74,750	8	80
		DN 32 - 42	166,750	6	48
		DN 40 - 49	193,200	4	32
		DN 50 - 60	331,200	2	18
		DN 65 - 76	678,500	1	16
		DN 80 - 90	945,300	1	12
		DN 100 - 114	1,835,400	1	6
7		<b>Van 1 chiều đồng lò xo MIHA - PN 16</b>			
		DN 15 - 21	52,325	15	180
		DN 20 - 27	79,350	15	150
		DN 25 - 34	102,925	12	120
		DN 32 - 42	179,400	6	60
		DN 40 - 49	253,000	6	48
		DN 50 - 60	327,750	4	32
		DN 65 - 76	696,900		
DN 80 - 90	923,450				

8		<b>Van 1 chiều đồng lò xo MBV - PN 10</b>			
		DN 15 - 21	47725	15	180
		DN 20 - 27	67,850	15	150
		DN 25 - 34	96,600	12	120
		DN 32 - 42	156,975	6	60
		DN 40 - 49	217,925	6	48
		DN 50 - 60	302,450	4	32
9		<b>Van bi đồng MIHA 2000 tay bướm - PN 16</b>			
		DN 15 - 21	84,525	12	120
		DN 20 - 27	118,450	10	100
		<b>Van bi đồng mạ niken MIHA 2000 tay bướm - PN 16</b>			
		DN 15 - 21	84,525	12	120
DN 20 - 27	118,450	10	100		
10		<b>Van bi đồng MIHA 2000 tay gạt (dùng cho nước, hơi, ga) - PN 16</b>			
		DN 15 - 21	84,525	12	120
		DN 20 - 27	118,450	10	100
		DN 25 - 34	86,250	6	60
		DN 32 - 42	123,625	4	48
		DN 40 - 49	84,525	4	32
		DN 50 - 60	118,450	2	20
		DN 65 - 76	177,675	2	8
		DN 80 - 90	368,000	2	8
		DN 100 - 114	461,150	1	4
11		<b>Van bi đồng mạ niken MIHA 2000 tay gạt - PN 16</b>			
		DN 100 - 114	311,305	1	4
		<b>Van bi đồng nối ống mềm MIHA - PN 16</b>			
		DN 15 - 21	113,850	12	120
		<b>Van bi đồng RT-RN MIHA - PN 16</b>			
		F15 -M15 ( 21)	48,875	12	120
		<b>Van bi gas MIHA 2000 tay gạt (nước, hơi, ga, xăng,) - PN 16</b>			
		DN 8 - 13	74,750	15	60
		DN 10 - 17	75,900	15	60
		DN 15 - 21	98,325	12	120
DN 20 - 27	138,000	8	80		

12		<b>Van bi đồng tay gạt MBV - PN 10</b>			
		DN 15 - 21	79,500	12	120
		DN 20 - 27	132,000	10	100
		DN 25 - 34	184,500	6	60
		DN 32 - 42	337,500	6	48
		DN 40 - 49	459,000	4	32
		DN 50 - 60	742,500	2	20
		DN 65 - 76	1,477,500	2	8
		DN 80 - 90	2,130,000	2	8
		DN 100 - 114	3,750,000	1	4
13		<b>Van bi đồng tay bướm MBV - PN 10</b>			
		DN 15 - 21	60,950	12	100
		DN 20 - 27	101,200	10	
14		<b>Van bi đồng tay gạt MI - PN 10</b>			
		DN 15 - 21	50,600	12	120
		DN 20 - 27	65,550	10	100
		DN 25 - 34	105,800	6	60
		DN 32 - 42	229,425	6	48
		DN 40 - 49	336,375	4	32
15		<b>Van hơi đồng nhãn hiệu MIHA - PN 16</b>			
		DN 15 - 21	143,750	10	80
		DN 20 - 27	193,775	10	60
		DN 25 - 34	247,250	6	48
		DN 32 - 42	425,500	4	32
		DN 40 - 49	542,800	4	24
16		<b>Van bi hợp kim TUBO tay bướm - PN 10</b>			
		DN 15 - 21	50,600	12	120
		DN 20 - 27	65,550	12	100
17		<b>Van bi hợp kim TURA tay gạt - PN 10</b>			
		DN 15 - 21	50,600	12	180
		DN 20 - 27	65,550	12	120
		DN 25 - 34	105,800	8	80
		DN 32 - 42	229,425	6	48
		DN 40 - 49	336,375	4	32
		DN 50 - 60	500,250	2	20
DN 65 - 76	143,750	2	8		

18		<b>Rọ đồng MIHA - PN 16</b>			
		DN 15 - 21	51,750		
		DN 20 - 27	84,525	15	150
		DN 25 - 34	130,525	12	72
		DN 32 - 42	192,625	12	72
		DN 40 - 49	289,800	8	48
		DN 50 - 60	360,525	6	36
		DN 65 - 76	702,075	2	12
		DN 80 - 90	943,000	1	12
DN 100 - 114	1,782,500	1	8		
19		<b>Rọ đồng MBV - PN 10</b>			
		DN 15 - 21	49,450	15	150
		DN 20 - 27	73,600	15	150
		DN 25 - 34	106,950	12	72
		DN 32 - 42	165,600	-	72
		DN 40 - 49	225,400	8	48
		DN 50 - 60	345,000	6	36
		DN 65 - 76	580,750	2	12
DN 80 - 90	718,750	1	-		
20		<b>Van pha đồng nhãn hiệu MIHA - PN 16</b>			
		DN 20 - 27	49,500	15	150
		DN 25 - 34	74,750	12	72
		DN 34 - 42	-	12	72
		DN 40 - 49	158,700	8	48
		DN 50 - 60	-	6	36
21		<b>Vòi đồng MIHA - PN 16</b>			
		DN 15- 21	117,300	10	60
		DN 20 - 27	138,000	10	60
22		<b>Vòi đồng MIHA mạ niken - PN 16</b>			
		DN 15- 21	124,200	10	60
		DN 20 - 27	157,550	10	60
23		<b>Vòi máy giặt MIHA - PN 16</b>			
		DN 15- 21	95,450	10	60
24		<b>Vòi vườn đồng MBV - PN 10</b>			
		DN 15- 21	79,925	10	120
		DN 20 - 27	100,625	10	100

25		<b>Vòi vườn đồng MH - PN 10</b>			
		DN 15- 21	86,250	10	120
		DN 20 - 27	114,540	10	100
26		<b>Vòi vườn đồng MI - PN 10</b>			
		DN 15- 21	44,390	10	120
		DN 20 - 27	60,375	10	100
27		<b>Vòi vườn hợp kim DALING - PN 10</b>			
		DN 15- 21	41,055	10	120
		DN 20 - 27	52,325	10	120
28		<b>Vòi vườn hợp kim TURA - PN 10</b>			
		DN 15- 21	32,775	10	120
		DN 20 - 27	46,000	10	120